

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HS-ST

Ngày 26/9/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Trần Thị Gấm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tâm, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2023/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST - HS ngày 14/9/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phù Thị Mỹ H**, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2007 tại tỉnh Đắk Nông; Nguyên quán: xã Mỹ P, huyện Phù M, tỉnh Bình Định; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 09, xã Nam N'J, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông; Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 08, thị trấn Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Phù Văn T, sinh năm 1980; Nơi ở hiện nay: Bon Bu D, xã Đắk R'T, huyện Tuy Đ, tỉnh Đắk Nông và bà Bùi Thị H, sinh năm 1989; Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 08, thị trấn Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông; Tiền án, tiền sự: không; Ngày 06/7/2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Song áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

**1. Bị hại:** Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1979. Trú tại: Thôn Nghĩa X, xã Đức X, huyện Krông N, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Người đại diện hợp pháp của bị cáo:** Bà Bùi Thị H1 (là mẹ đẻ của bị cáo), sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ dân phố 08, thị trấn Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2. Người bào chữa cho bị cáo:**

2.1. Ông Hoàng Ngọc T1, sinh năm 1986 – có mặt;

2.2. Bà Mai Thị H1, sinh năm 1992 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đều là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Nông. Địa chỉ: Số 11, đường Lê D, phường Nghĩa T, Thành phố Gia N, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phù Thị Mỹ H được bà Trần Thị Thu T thuê làm công tại trang trại Thế giới cây giống thuộc thôn 9, xã Năm N'J, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông. Vào khoảng 07 giờ ngày 24/05/2023, Phù Thị Mỹ H đến làm việc bón phân và nhổ cỏ tại trang trại. Sau khi làm xong thì H đi tìm bà T hỏi công việc tiếp theo để làm thì thấy bà T đang ở khu vực phía sau nhà kho nên H nảy sinh ý định đi vào bên trong nhà kho của trang trại để tìm tài sản trộm cắp.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, khi thấy bà T vẫn ở khu vực phía sau nhà kho nên H đã đi vào phòng ngủ của bà T để trộm cắp tiền ở bên trong túi xách trên. Lúc này, H lấy túi xách, mở ngăn ở giữa ra thấy nhiều tiền lẻ, mệnh giá nhỏ nên H không lấy mà tiếp tục mở ngăn giữa túi xách thì thấy nhiều tờ tiền có mệnh giá lớn nên đã lấy số tiền này mà không kiểm đếm rồi cất giấu vào túi áo đang mặc và đi ra bên ngoài tiếp tục làm việc. Khoảng 11 giờ cùng ngày, H xin nghỉ làm buổi chiều thì được bà T đồng ý rồi bà T đi vào nhà kho để lấy tiền trả công cho H thì phát hiện bị mất tiền trong ngăn giữa túi xách trên (theo lời khai của bà T thì số tiền bị mất là 6.500.000 đồng). Tuy nhiên, bà T không nói cho H biết chuyện bị mất tiền và vẫn lấy số tiền 125.000 đồng để trả tiền công cho H.

Sau đó, H đi về nhà kiểm đếm số tiền lấy trộm được là 3.120.000 đồng, đồng thời bà T kiểm tra hình ảnh Camera tại trang trại thì phát hiện H là người duy nhất đi vào nhà kho, nghi ngờ H là người lấy trộm tiền nên bà T đã gọi điện cho mẹ của H là bà Bùi Thị H1 yêu cầu bà H1 đưa H đến trang trại để làm rõ sự việc. Khoảng 12 giờ 30 cùng ngày, H cùng mẹ là bà H1 đi đến trang trại, tại đây thì bà T cho rằng H đã lấy trộm tiền của bà T nhưng H không thừa nhận vì có bà H1 ở đó. Sau đó, bà H1 đi về thì H đã thừa nhận việc lấy trộm tiền của bà T và hẹn đến chiều sẽ trả lại số tiền đã lấy trộm cho bà T. Khoảng 14 giờ cùng ngày H đến gặp bà T và trả lại số tiền 3.120.000 đồng đã lấy trộm nhưng bà T nói không đủ nên H quay về nhà của gia đình mình để tìm kiểm tra lại. Tiếp đó, bà T đi vào phòng ngủ của mình kiểm tra thì phát hiện bị mất thêm một số tài sản khác (theo lời khai của bà T thì số tài sản bị mất thêm gồm: 01 bộ nữ trang được mua trên mạng với giá 1.198.000 đồng để bên trong túi xách mà H đã lấy trộm tiền trước đó và phát hiện bị mất thêm số tiền: 20.335.000 đồng được để ở bên trong 01 túi xách khác). Số tài sản bà T cho rằng mình đã bị mất là 01 bộ nữ trang và tổng số tiền là 26.835.000 đồng. Sau khi phát hiện thêm số tài sản bị mất bà T đã gọi điện thoại yêu cầu H trả lại tài sản nhưng H chỉ thừa nhận trộm cắp số tiền 3.120.000 đồng nên bà T đã báo Công an xã Năm N'Jang đến giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 63/CT-VKS-ĐS ngày 13/9/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song đã truy tố bị cáo Phù Thị Mỹ H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận VKSND huyện Đăk Song truy tố bị cáo là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phù Thị Mỹ H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 91 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phù Thị Mỹ H từ 04 đến 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách

là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm dân sự và vật chứng.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng VKSND huyện Đắk Song truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Do bị cáo là người chưa thành niên nên việc nhận thức pháp luật còn hạn chế; bố mẹ đã ly hôn nên cũng một phần ảnh hưởng đến tâm lý phát triển của bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt; tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 98 của Bộ luật hình sự để phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào khoảng 11 giờ 24/05/2023 tại thôn 9, xã Năm N'J, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Lợi dụng sự sơ hở của bà Trần Thị Thu T, bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp của bà T số tiền 3.120.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*.....”*

[3] Xét hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, nhưng do ý thức coi thường pháp luật bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi này làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo gây thiệt hại nhưng không lớn nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình

tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (bị cáo 16 tuổi 03 tháng 26 ngày) do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội vẫn đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 90; Điều 91 của Bộ luật hình sự giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách thể hiện tính nhân đạo của Pháp luật Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm xét thấy, đây là ý chí tự nguyện đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận không đề cập giải quyết.

[6] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc túi xách màu đen dạng quai đeo, không có nhãn hiệu gồm 04 ngăn kéo ở mặt trước và 01 ngăn kéo ở mặt sau trên vùng diện tích 10x30 cm; 01 túi nhỏ màu đen dạng túi chéo, phía trước mặt túi có ký tự “CG” gồm 03 ngăn kéo trên vùng diện tích 10 x20 cm và số tiền 3.120.000 đồng cho bà Trần Thị Thu T là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 USB dung lượng 2GB, nhãn hiệu KINGSTON thu giữ tại nhà bà Trần Thị Thu T cần lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[9]. Đối với việc bà T cho rằng ngoài ra bị cáo trộm cắp số tiền 20.335.000 đồng và 01 bộ nữ trang trị giá 1.198.000 đồng của bị hại, nhưng Cơ quan điều tra chưa chứng minh được hành vi này của bị cáo. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Song tiếp tục điều tra, xác minh có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[9] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo **Phù Thị Mỹ H** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 91 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Phù Thị Mỹ H** 04 (Bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phù Thị Mỹ H cho Ủy ban nhân dân xã Nâm N’Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên theo Luật thi hành án hình sự thì Tòa án có thể quyết định buộc

người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

**\* Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc túi xách màu đen dạng quai đeo, không có nhãn hiệu gồm 04 ngăn kéo ở mặt trước và 01 ngăn kéo ở mặt sau trên vùng diện tích 10x30 cm; 01 túi nhỏ màu đen dạng túi chéo, phía trước mặt túi có ký tự “CG” gồm 03 ngăn kéo trên vùng diện tích 10 x20 cm và số tiền 3.120.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) cho bà Trần Thị Thu T là chủ sở hữu hợp pháp.

**\* Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Phù Thị Mỹ H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**\* Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo; người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bào chữa cho bị cáo, người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- CA huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**Trần Thị Thanh Tâm**